TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2024
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thu Hiền
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Thuận
2. Ông Nguyễn Thế Phương

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ: Bà Nguyễn Thị Lan Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 228/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2024 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐST – HNGĐ ngày 15/8/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 53/2024/QĐST – HNGĐ ngày 05/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ G, ấp C, xã S, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ G, ấp C, xã S, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị T vào năm 1986, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng không hạnh phúc khi chung sống. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Nay ông nhận thấy không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim L1, sinh ngày 10/02/1987 và Nguyễn Văn L2, sinh ngày 18/8/1991. Các con chung đã trưởng thành, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Ông L giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện và không bổ sung gì thêm.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn bà Nguyễn Thị T theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên bà T không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với bà Nguyễn Thị T cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Các con chung là Nguyễn Thị Kim L1, sinh ngày 10/02/1987 và Nguyễn Văn L2, sinh ngày 18/8/1991 đã trưởng thành, ông L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông L phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, quan hệ pháp luật vụ án là: Tranh chấp ly hôn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của ông L, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do ông L cung cấp đã có đủ cơ sở xác định: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống từ năm 1986 đến nay nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn nên không có Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, ông L xác định ông và bà T chung sống với nhau từ năm 1986, căn cứ giấy khai sinh của con chung Nguyễn Thị Kim L1, sinh ngày 10/02/1987 thì xác định ông L và bà T chung sống với nhau từ năm 1986 là có căn cứ. Căn cứ Điều 1 Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 02/01/2001 xác định quan hệ hôn nhân giữa ông L, bà T là hôn nhân thực tế và hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của ông L, bà T: Ông L xác định vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Quá trình giải quyết vụ án, bà T đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải để giải quyết mâu thuẫn gia đình nhưng bà T vắng mặt không có lý do và không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông L. Tại phiên tòa ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà T.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông L, bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 89, 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông L với bà T.

Về con chung: Ông L và bà T có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim L1, sinh ngày 10/02/1987 và Nguyễn Văn L2, sinh ngày 18/8/1991. Các con chung đã trưởng thành, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 1 Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 02/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp;

Điều 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 về việc hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với bà Nguyễn Thị T về việc: “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Các cháu Nguyễn Thị Kim L1, sinh ngày 10/02/1987 và Nguyễn Văn L2, sinh ngày 18/8/1991 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003371 ngày 25/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Nguyễn Văn L đã nộp đủ án phí.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án*".

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Sông Xoài;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thu Hiền